1.2. Nguyễn Bình Phương với quan niệm nghệ thuật thơ

***1.2.1. Nguyễn Bình Phương – nhà thơ của “nhiều u uất”***

Trong những năm gần đây, cái tên Nguyễn Bình Phương được nhắc đến nhiều trong các cuộc đàm luận của giới thơ văn cho sự cách tân của một nền thơ Việt Nam hiện đại. Nguyễn Bình Phương sinh ngày 29/12/1965 tại thị xã Thái Nguyên. Trong chiến tranh, gia đình sơ tán về xã Linh Nham, thuộc huyện Đồng Hưng, tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 1979 mới trở về quê quán, học hết phổ thông trung học, năm 1985 ông vào bộ đội. Nguyễn Bình Phương tốt nghiệp trường viết văn Nguyễn Du và bắt đầu cầm bút năm 1986. Ra trường đi công tác một năm tại đoàn kịch nói Quân đội, sau đó làm biên tập viên nhà xuất bản quân đội, hiện ông đang là Tổng biên tập tạp chí Văn nghệ Quân đội. Tính đến nay, tác giả đã có: 6 tiểu thuyết (*Vào cõi* (NXB Thanh niên, 1991), *Những đứa trẻ chết già* (NXB Văn học, 1994), *Người đi vắng* (NXB Văn học, 1999), *Trí nhớ suy tàn* (NXB Thanh niên, 2000), *Thoạt kỳ thuỷ* (NXB Hội Nhà văn, 2004); Kể xong rồi đi (NXB , 2017) và 7 tập thơ. Riêng về thơ, năm 2011, Nguyễn Bình Phương nhận giải thưởng Hội nhà văn Hà Nội cho tập thơ “Buổi câu hờ hững”. Với sức sáng tạo bền bỉ cả về tiểu thuyết và thơ, Nguyễn Bình Phương là gương mặt đặc biệt của văn học Việt Nam đương đại.

Xuất thân từ một nhà văn quân đội, gắn bó cả thời thanh xuân với đời lính, ở Nguyễn Bình Phương có sự trầm tĩnh, ôn hòa mà ngay ấn tượng đầu tiên khi người đọc tiếp xúc với ông chính là “dáng vẻ thư sinh, ngồi giữa bộn bề sách vở…anh thường nói ít nhưng câu nào cũng ngấm vào lòng người nghe” [Việt Quỳnh]. Những nề nếp kỉ luật trong quân đội với tính cách có phần “rụt rè, khó tính, ngại giao tiếp” khiến người đọc khá ngỡ ngàng khi đọc thơ ông. Cái trầm tĩnh, điềm nhiên, ít nói lại là sự nén vào bên trong những bộn bề suy tư. Chia sẻ với … trong một cuộc phỏng vấn, Nguyễn Bình Phương tự nhận mình khá ngại đám đông, dẫu vẫn khi gặp gỡ, uống rượu với bạn bè nhưng thú thật không ham bởi ông cho rằng “vài ba người tụ tập có thể là tinh túy, nhưng năm người trở lên là nhức đầu”. Bước vào thế giới nghệ thuật thơ, Nguyễn Bình Phương vẫn giữ tâm thế ấy cho hành trình sáng tạo, cho suy tư nghệ thuật để khai sâu vào cái “vùng tối” u uất, khuất lấp của chính mình, của cuộc đời để tìm ra tiếng nói tận sâu bản thể và khai mở những bề sâu kín của bản chất cuộc sống.

Nguyễn Bình Phương cho rằng công việc viết văn của người cầm bút không cớ gì phải chia sẻ quá nhiều với người khác bởi khi được “viễn du” vào hoạt động sáng tạo, người nghệ sĩ sẽ giữ được “lớp tuyết đầu tiên của suy nghĩ”. Sự viết, đối với ông như một lực hút bí ẩn không biết trước là gì nhưng được viết là được giải tỏa suy tư, vượt qua những lúc “phờ phạc” vì con chữ, viết ra sẽ thấy “khỏe người”, để không bị con chữ “hành” nữa.

Trong sáng tạo nghệ thuật, mỗi nhà văn, nhà thơ đều có một vùng thẩm mĩ của riêng mình. Đó là hiện thực không toàn nguyên được phán ảnh qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ. Người thơ quan sát, khám phá, chiêm nghiệm, suy tư về vùng đất và con người của hiện thực để đưa vào thơ thế giới thẩm mĩ đầy sáng tạo, mới mẻ. Qua hiện thực ấy, nhà thơ được thể hiện tư tưởng thẩm mĩ, nhãn quan về cuộc sống và có khi dò tìm, khám phá cái tôi bản thể của chính mình. Sự giăng níu về một vùng đất máu thịt là cơ sở để người nghệ sĩ tạo dựng nên không gian thi cảm riêng, và lớn hơn, không gian thẩm mĩ của thơ mình. Với Mai Văn Phấn, người đọc được thấy một hiện thực với đất đai, đồng quê như nguồn cội của sự sinh. Không gian ấy được nuôi dưỡng bởi kí ức vùng nông thôn miền Bắc Việt Nam; Nguyễn Quang Thiều làm thức dậy trong lòng người đọc bản sắc văn hóa dân tộc được gợi lên từ dòng sông Đáy với sự đan bện các mã nguồn cội. Đó là vùng của những thi ảnh giàu sắc thái tình cảm, đa biểu tượng, những suy tưởng vượt ra không gian vốn rất bó hẹp của những ngôi làng Bắc Bộ thông thường. Hay với nhà thơ “bóng chữ” – Lê Đạt trong hành trình sáng tạo, cách tân con chữ vẫn luôn neo đậu một bến đỗ “Âu Lâu” – nơi khơi nguồn của hồn thơ, ấp iu kỉ niệm và là nguồn cảm hứng bất tận của thi sĩ… Rõ ràng, những vùng đất “thuộc về” ấy luôn có sức “vẫy gọi”, lay thức và thôi thúc sự khai triển mĩ cảm của nhà thơ. Và hơn cả thế, chính nơi sinh ra, gắn bó máu thịt bao giờ cũng gợi nhiều ấn tượng hơn cả để tạo nên cái “tạng thơ” của mỗi người. Nhiều người đọc thơ Nguyễn Bình Phương thấy khó hiểu và có nhiều u uất. Cái u uất toát ra từ miền hiện thực thẩm mĩ trong thơ ông như dẫn dụ, mê hoặc người đọc vào mê lộ của những bí ẩn, huyền hoặc; hay còn là cái u uất, thâm trầm của dòng suy tư bất định dẫn lối vào miền giả định của cái tôi “xa thân” mà vùng hiện thực ấy vừa là môi trường tạo sinh vừa là cái cớ cho sự giãi bày. Trở đi trở lại nhiều lần trong thơ Nguyễn Bình Phương là những ám gợi từ vùng đất Thái Nguyên – nơi gắn bó với tuổi thơ của tác giả với những đồi núi trập trùng, quanh năm nằm lặng lẽ, u trầm trong sương mù sớm chiều giăng mắc. “Những bí ẩn của vùng đất Thái Nguyên với vẻ mịt mù hoang dại của sông nước, vẻ lạnh lẽo trong vắt của bầu khí thở, của cây lá, những chuyển dạng âm u của mây lúc chuyển mưa giông hay chiều về, vầng trăng vàng lạnh u ẩn đính hờ đâu đó trong bầu trời…” (**Nhã Thuyên)** đã góp phần không nhỏ trong việc tạo ra cái u uất của hồn thơ.

Tự đánh giá về cái tạng “hơi u uất” của mình, nhà thơ khẳng định nét độc đáo trong phong cách ấy lại là biểu hiện của cái tôi suy nghiệm, day dứt về cuộc sống cũng là điểm thôi thúc dẫn lối của sáng tạo nghệ thuật: “*Ta lặng im/ Chim hót/ Họ thì vỗ cánh bay/ Ta viết/ Chim bay đi/ Họ thẫn thờ đậu xuống/ Ta nhìn ta mai mái một làn sương* ***(Nhà thơ)***. Có lẽ vì thế mà sau mỗi bài thơ thoáng buồn của Nguyễn Bình Phương, người đọc lại được “trôi dạt” vào cái hoang hoải của lòng mình và cảm về kiếp nhân sinh đang bề bộn, lắm ngổn ngang của những “buổi câu hờ hững” giữa cuộc đời.

***1.2.2. Quan niệm nghệ thuật thơ “Sống bình thường, viết không bình thường”***

Trong cuộc sống thường nhật, Nguyễn Bình Phương vẫn nhận mình là một “công chức đơn điệu điển hình. Sớm vác ô đi tối vác về”. Cuộc sống trong quân ngũ ngót 34 năm đã rèn cho nhà thơ cách thế sống giản dị, không màu mè, phô diễn. Cả việc ý thức về hiện thực đời sống quá nhiều nỗi nhiêu khê nên Nguyễn Bình Phương đề ra quan niệm sống cho riêng mình: tuyệt nhiên “không nên thử các trạng thái trong gia đình” [NBP, sống bình thường, viết không bình thường]. Sau những ngày làm việc ở cơ quan, nhà thơ trở về nhà trong niềm vui cùng con trẻ. Đó là chốn bình tâm của cõi người, là hạnh phúc đời thường mà không phải ai cũng thấu thị để nâng niu, trân quý. Nguyễn Bình Phương có một mái ấm bình yên và nhiều người vẫn cho rằng bình yên dễ rơi vào tẻ nhạt nhưng với cung cách của “ông giáo trường làng”, một người “thầm lặng của văn chương”, nhà thơ yêu sự tẻ nhạt này. Nguyễn Bình Phương tâm niệm “Sống bình thường viết không bình thường hay hơn là viết bình thường, sống không bình thường”. Có thể nói, Nguyễn Bình Phương đã xác lập một cách rạch ròi giữa con người đời thường – con người nghệ sĩ, giữa công việc thường nhật – sáng tạo văn chương, trong hai tư cách ấy, bản thân nhà thơ đã có sự dung hòa đạt đến độ tri nhận sâu sắc, không có lựa chọn, không có tranh chấp, chỉ là cùng hoàn thiện bởi suy cho cùng trong cuộc đời - anh cũng chỉ như mọi người.

Nhưng khi bước vào địa hạt thi ca, người đọc lại được thấy một Nguyễn Bình Phương hoàn toàn khác. Với thơ, ông được sống là mình, sống hết mình. Dẫu đến nay, người đọc biết nhiều về Nguyễn Bình Phương ở lĩnh vực tiểu thuyết nhưng nhà thơ thú nhận ông yêu thơ nhiều hơn “nói một cách gan ruột thì tôi thích thơ hơn” [NBP: nhà văn là người loay hoay đi tìm cách kể]; “tôi thuộc thơ mình một cách nghiêm túc, có thể thuộc những bài cách đây hai mươi năm”. Bởi đi vào thế giới nghệ thuật thơ, tác giả được giãi bày cái tôi cá nhân mình. Viết tiểu thuyết, người nghệ sĩ phân tích thiên hạ nhưng với thơ, tác giả được “tự phân giải mình, tự mổ xẻ mình, tự phân tích mình” [NBP: nhà văn là người loay hoay đi tìm cách kể]. Viết xong một tác phẩm thơ coi như trút được cái u uất của lòng mình và bao giờ nhà thơ cũng mãn nguyện về điều đó khi “nhìn thấy sự hoàn hảo của những bài thơ”.

Nói về quá trình sáng tạo một thi phẩm, Nguyễn Bình Phương giãi bày: “giây phút anh bắt đầu viết một bài thơ đến khi kết thúc, không tính giai đoạn sửa, thì đó là trạng thái rất tù mù. Tôi không miêu tả được rõ ràng trạng thái đó. Khi tôi viết một bài thơ, tôi như chìm vào một quãng nào đó” [Sống bình thường, viết không bình thường]. Trong vai một người nghệ sĩ, Nguyễn Bình Phương tìm mọi phương cách “xa thân” để tri nhận, khám phá và phản ánh chân lí của cuộc sống. Chỉ khi được dẫn dắt bằng vô thức, gạt đi những chi phối, can thiệp của lí trí, người thơ mới dò được đường biên của cảm xúc mà ngụp lặn kiếm tìm, chiêm nghiệm. Nên thế, mỗi tác phẩm làm ra có một phần nằm ngoài “tôi”, là “tôi” nhưng nếu tỉnh táo tác giả sẽ không được nhìn thấy: “tôi hay nói đùa mà cũng nói thật: trong mỗi bài thơ của tôi có bóng dáng một con ma, một cái bóng lẩn khuất, một tâm trạng gì đó không nắm bắt được”.

Đi đến tận cùng của cá tính, lối tư duy và tư tưởng của mình để trở thành một chân dung văn chương đương đại không thể trộn lẫn, Nguyễn Bình Phương đã thực hành rõ ràng, chứng thực quan niệm sáng tác – “viết không bình thường”. Làm sao có thể viết bình thường khi mỗi con người vốn là một thế giới huyền bí mà có bao giờ ta đi hết tận bản thể? Nguyễn Bình Phương luôn tri nhận con người vốn phức tạp cho nên cái “viết bình thường” chẳng mang đến điều gì cho hoạt động sáng tạo văn chương khi đặc trưng, chức năng và nhiệm vụ cao cả của “văn học là nhân học”. “Tâm hồn người ta luôn có một “vùng tối”. Nếu con người chỉ có mặt sáng thì sẽ là một loài rất đơn giản. Trong lúc ta bắt đầu sáng thì ở một nửa cầu còn lại bắt đầu đêm tối. Có lúc nào loài người cùng hưởng một bình minh đâu?” **[u uất, sợ người…].** Do đó, nhà thơ quan niệm sáng tác là dò tìm, là khám phá cái “vùng tối” không chỉ có sẵn mà luôn phát triển hàng ngày, hàng giờ đó. Trong cuộc tìm kiếm âm thầm mà không kém phần dữ dội ấy, trong vòng quay bất tận của dòng xoáy cuộc đời, có khi hành trình mở đầu và kết thúc chỉ thu nhặt về những điều gần gũi, trần tục thậm chí cả những điều tưởng như vô nghĩa lí nhưng đó chính là văn chương, là đời, và cũng là người nhất: “xét cho cùng, từ khởi nguồn đến giờ, chưa hề mất đi một cái gì, kể cả sự mông muội” (*Mình và họ*).

Sống hết mình một cách trọn vẹn với thế giới nghệ thuật thơ, tác giả khẳng định mỗi nhà thơ khi sáng tác là đại ích kỉ; có thể người đọc khen chê tác phẩm của anh nhưng nếu nói viết thế nào cho vừa hiểu, giảm đi tính mạ mị, phức tạp khó nắm bắt thì không thể được. Có một Nguyễn Bình Phương rất hiền lành, gần gũi trong đời thường nhưng cũng có một Nguyễn Bình Phương rất sắc sảo, cá tính trong thơ “Tôi có kiểu của tôi, tôi không chiều người khác. Nhà văn nào cũng thế, khi đã ngồi vào bàn viết là đại ích kỉ, viết trước hết là để thỏa mãn mình” [**Sống bình thường, viết không bình thường**].

Tự nhận mình có cái tạng u uất lại thêm tâm trạng vốn phức tạp nên Nguyễn Bình Phương sáng tạo văn chương theo kiểu của riêng mình: *“không thể bằng phẳng như miền đồng bằng quang mây, mà phải hiểm hóc với núi cao vực sâu để người đọc được dẫn dụ vào những không gian đa tầng”* [NBP: người thầm lặng của văn chương]*.* Có thể hôm nay người đọc không tán đồng, không thích thơ ông nhưng chuyện khen chê là của chuyện đời còn chuyện văn chương lại là chuyện của thời gian. Khi mọi yếu tố phức tạp trong đời sống với tâm thế tồn tại cùng đối thoại, không còn trung tâm, không gì là độc nhất, trên mảng hiện thực đan cài nhiều mảnh ghép đó, cuộc sống in dấu trên trang thơ cần được vẹn nguyên, đa diện, đa hình, đa sắc, cả hình lẫn bóng, cả thực thể và ảo thể, cả cái hiện hữu và cái ảo diệu… Và điều đó không cho phép người nghệ sĩ tri nhận, phản ánh về cuộc sống một cách đơn giản, một chiều như nền văn học một thời vốn trọng tính hướng ngoại. Định hướng điều đó trong sáng tác, nhà thơ vận dụng kĩ thuật liên văn bản trở thành một đặc điểm nghệ thuật đáng quan tâm. Nhưng đó là tất cả những gì thuộc về sự chỉnh sửa, chăm chút khi “đứa con tinh thần” đã ra đời. Thực chất, khi sự chiêm nghiệm về cuộc sống đủ sâu sắc ở một nhà thơ có độ tư duy thấm đẫm tinh thần hậu hiện đại thì liên văn bản không chỉ là một thủ pháp mà còn là một thuộc tính của thi phẩm. Hòa trộn, dẫn nối, chồng xếp, đan cài …các mã văn bản trong thơ Nguyễn Bình Phương trở nên tự nhiên, hài hòa như chính bản thân cuộc sống vốn hiện tồn. Bằng nhiều đường kênh dẫn nối, người đọc sẽ giải mã không gian đa tầng trong thơ Nguyễn Bình Phương với những lớp nghĩa riêng. Như thế quan niệm sáng tác của nhà thơ vừa đáp ứng nhu cầu hiện thực đời sống vừa phù hợp với thị hiếu thẩm mĩ của bạn đọc hiện đại. Có thể nói, với quan niệm thơ trên, Nguyễn Bình Phương cũng đủ tư cách đứng vào “ngôi nhà chung” của thi ca đương đại.

***1.2.3. Nhà thơ với hành trình vào “cõi lạ”***

T.W.Adorno đã từng có câu nói gây ám ảnh: “Làm một bài thơ sau Auschwitz là điều dã man”. Khi văn hóa nghe – nhìn phát triển, tốc độ lan truyền thông tin đạt mức độ gia tốc đến chóng mặt, dư luận yêu thơ đang ngày ngày trăn trở, âu lo liệu đến khi nào “tiếng chuông đưa tang thi ca đang được đánh tới hồi cuối” (**Chưa đủ cô đơn cho sáng tạo** – Inrasara). Trong dòng chảy chung của nền văn học thế giới, từ sau chiến tranh, dẫu tự hào là thi quốc, nền thơ Việt Nam vẫn không khỏi hoang mang cho sự sáng tạo thơ để đuổi kịp nhịp thời đại. Đã có sự xuất hiện của một số khuôn mặt lạ lẫm gây ấn tượng xôn xao trên thi đàn thế nhưng chỉ quãng thời gian ngắn đã rơi vào thinh lặng. Giữa những thay đổi của thị hiếu thẩm mĩ, cả những nghiệt ngã của thị trường văn phẩm, những đòi hỏi sự độc lạ, và việc dành thời giờ hiếm hoi trong cuộc sống bộn bề từ bạn đọc để suy ngẫm, thưởng bình thơ đã đặt thơ trong áp lực sáng tạo như một yêu cầu bức thiết để tồn tại. Hành trình từ cuộc sống đến cảm hứng sáng tạo và từ tiếng gọi da diết từ tâm thức đến trang giấy là cả quá trình thai nghén đầy đau đớn, vật vã mà Nguyễn Bình Phương gọi là “*Từ mực xuống giấy/ Xa hơn/ Từ anh tới em*” **(Thế giới mười hai dòng**). Cuộc đi về trên hai thế giới thực - ảo để được sống trọn vẹn với xúc cảm đòi hỏi sự “cô đơn” thậm chí cô độc của người nghệ sĩ. Hành trình cô đơn khi chiêm nghiệm cuộc sống, và cô đơn cả khi tác phẩm sinh thành : **“**Bấy lâu, chúng ta luôn là con người của số đông; số đông trong giới văn nghệ, số đông giữa người đọc và, số đông cả khi chỉ ngồi một mình, cô độc!” **[Chưa đủ cô đơn cho sáng tạo** – Inrasara **tr. 20].** Cái cô đơn đầy bản lĩnh khi dám bứt mình ra khỏi bè chung của cộng đồng, quan điểm tâm lí đám đông chi phối là điều cần thiết của sáng tạo thơ đã phản ánh cái tầm tư duy và phong cách nghệ thuật độc đáo của mỗi nghệ sĩ**.** Ý thức rõ điều đó, Nguyễn Bình Phương cũng như một số nhà thơ khác đã không ngừng trăn trở để vẽ nên mật đạo thơ của riêng mình. Mỗi tập thơ của ông khi xuất hiện đều gây nên sự ngỡ ngàng bởi những thử nghiệm về tư duy nghệ thuật và kĩ thuật viết. Cái “cõi lạ” của thơ hay là một phiên bản khác của cõi đời, cõi người mà người thơ luôn trong khát vọng được nhìn thấy tha nhân đã vục tìm, đào xới đến tận cùng bản thể. Trong khi đó, hành trình tìm thấy mình có bao giờ là đích cuối, vì thế sang hết tập này đến tập khác, thơ Nguyễn Bình Phương vẫn là niềm dẫn dụ không thôi. Từ *Lam chướng* đến *Khách của trần gian, Xa thân, Từ chết sang trời biếc, Buổi câu hờ hững* cho đến tập *Xa xăm gõ cửa* vừa mới phát hành năm 2015*,* Nguyễn Bình Phương đã thực sự “tựa luồng gió lao rừng rực” khi kiếm tìm không ngừng, nguyện “sũng ướt” trong vũng đời, vũng thơ mình mà ngụp lặn để rồi tự thúc giục “đứng dậy”, lật trở trên trang giấy với hành trình đầy khắc nghiệt mang thiên tính sáng tạo của người nghệ sĩ: viết để được “tìm thấy”.

**\*Lam chướng**

Là tập thơ đầu tay đánh dấu tự hiện diện của gương mặt nhà thơ có những cố gắng tìm tòi để cách tân thơ Việt những năm đầu thế kỉ XX, tập *Lam chướng* đã tạo nên bước đột phá khá quyết liệt của Nguyễn Bình Phương vào âm hưởng cũ kĩ, sáo mòn của thơ Việt thời hậu chiến để “kết cấu” lại những giá trị thi pháp mới. Nhận xét về tập “Lam chướng”, Nguyễn Việt Chiến cho rằng: “Ngay từ những bài thơ đầu tiên, Nguyễn Bình Phương đã tạo cho mình một dấu ấn khá riêng biệt, rõ nét và thơ anh như một “cõi lạ âm thầm” (..). Cái cõi lạ ấy toát ra từ một bầu không khí bảng lảng vừa gây rợn người vừa mang sức hấp dẫn mê dụ không cưỡng lại được. Trong bầu không khí ấy có sắc màu lam chướng, vẻ mịt mù của sông nước, lạnh lẽo của một ngôi sao chết trắng, những giông bão u uẩn, lối mòn mất hút giữa vườn khuya.... Cái mù mờ, lạnh lẽo, thâm u và những cô đơn của các sự vật trong một không gian bị phủ mờ “lơ mơ tối”, đời sống hiện diện trong những dự cảm bất an của đêm đông “trông bóng tối ra đồng”, giữa những phập phồng trong tiếng “bầy ngựa phi tím tái lưng trăng” là bao phận người với hành trình mưu sinh đầy cô độc.

Tập thơ không chỉ gây ấn tượng bởi những hình ảnh, kết cấu thơ mà còn dành nhiều thiện cảm bởi những cảm xúc tinh tế, liên tưởng tự do, câu chữ được lựa chọn kĩ lưỡng nhưng không gò gẫm cố ý, đã tạo nên một phong vị thơ rất riêng đầy trẻ trung đầu thập kỉ 90, thế kỉ XX. Theo Dương Kiều Minh, sự tìm tòi của Nguyễn Bình Phương ở tập thơ này thật sự đáng thuyết phục. Đó là thế giới thơ với cảnh giới khác biệt và biểu cảm nhờ vào “sự sáng tạo nhiều hình ảnh thơ lạ và cuốn hút, mở ra một thế giới tưởng tượng đánh thức những cảm xúc đã sẵn tiềm ẩn trong đời sống tâm hồn của con người” [Dương Kiều Minh].

**\*Khách của trần gian**

Từ thành công ở “Lam chướng”, Nguyễn Bình Phương tiếp tục thử nghiệm và gây chú ý dư luận với “Khách của trần gian”. Vẫn là thế giới thơ hư ảo, bí huyền nhưng ở tập thơ này tính chất khác thường, kì dị càng tăng cường đã tạo ra những cái rùng mình và sự ám gợi nơi người đọc. Hành trình đi về của cõi người được Nguyễn Bình Phương diễn đạt bằng những câu thơ thoáng buồn khi dạt vào miền tâm thức bất định để bày ra những mạch liên tưởng ngồn ngộn khó lí giải. Những ám ảnh về máu, về cái chết, thế giới người điên, những xô lệch trong thế giới người và bóng âm của cõi khác chập chờn, ẩn hiện. Vẫn trong màu sắc khí thiêng của phương Đông u trầm, sự hiện hữu của đời người vốn nhọc nhằn lại phải rong ruổi “lê lết đường đi đày biệt xứ”, cánh cửa sinh – tử khép mở khiến con người một thời tin vào sự bất tử, nay trong thơ Nguyễn Bình Phương lại mang dự cảm ám ảnh về những ngày ngắn ngủi của trần gian. Có thể nói, những chiêm nghiệm về nhân thế và phận người cùng thế giới bí huyền, huyễn ẩn của đời sống tâm linh đã làm nên màu sắc lạ cho tập thơ này.

**+ *Xa thân* (1997)**

Hành trình đi “tìm mặt” chẳng bao giờ thôi dậy sóng trong cái tôi đầy “u uất” như Nguyễn Bình Phương. Nếu như ở những tập trước đó, cuộc tìm kiếm tha nhân vẫn còn thể hiện ẩn mình sau những dòng thơ chiêm nghiệm về thế phận thì nay trong “Xa thân”, điều đó trở thành cảm hứng chủ đạo. Với “Xa thân”, Nguyễn Bình Phương đã thực nghiệm đích xác cho quan niệm làm thơ chính là “tự phân giải mình, tự mổ xẻ mình, tự phân tích mình”. Người thơ xa thân bằng nhiều dạng thức, trạng thái khác nhau đã làm nên thế giới bí huyền, ma mị cho tập thơ này. Bao nhiêu cuộc thử nghiệm từ bỏ thân xác, phiêu diêu vào miền lạ của cõi khác để nhận lại những dư vị cả niềm khoái cảm đau đớn của việc “nhận mặt”. Trong cuộc vượt ngục thân xác để dấn thân vào vùng tiềm thức, vô thức, cái tôi vong thân ấy không giấu nỗi sợ hãi cái bóng âm vô hình, có khi mê man trong nỗi an nhiên rời bỏ kiếp sống và nhất là tri nhận từng khoảnh khắc mong manh trong sự chuyển giao của sự sống.

Đánh giá về tập thơ, Nhã Thuyên đã có những nhận xét khá sâu sắc: “Xa thân là cuộc tìm nơi trú ngụ của của những linh hồn, những cái mất trở lại, những hồn say trong đêm: bóng những bông hoa bị ngắt run run về đậu trên cuống, hồn hoa lảo đảo trên đường, những giọng nói mềm mại như bóng râm, bóng áo nâu trên bức tường hoa sứ… Con người chỉ còn là những cái bóng, nhẹ bước trong sương mù, không rõ mặt, hiện diện bằng giọng nói không âm thanh, mà chỉ được cảm nhận bằng độ mềm mại, một cảm giác da thịt. Con người “xa thân”, bằng nhiều cách, ngủ, mơ, say, điên, bay, đứng, ngồi, nhớ lại để bay vào một miền không gian khác, một phiên bản không gian khác, vừa bay vừa cảm nhận sự phân rã của chính mình, bước di chuyển lảo đảo của tâm hồn mình, sự luênh loang trôi nổi của xúc cảm, và để có thể nghe tiếng nói khác”.

Ranh giới của cái mơ hồ, tan loãng, hư thực khiến cái tôi chếnh choáng, say mê khi nương mình vào thân xác kẻ khác và đôi khi giật mình thảng thốt khi kẻ ẩn mặt lộ diện qua “đường hầm” bí mật. Nhưng trên tất cả vẫn là cảm giác mê đắm được vong thân, tri nhận. Thơ Nguyễn Bình Phương dẫu nói về những gì rất bình dị mà thâm sâu, những vô hình mà hữu hình nguyên ủy, là sống dậy những gì đã mất, là phơi diễn những ẩn tàng nhưng lại là bản thể nhất. Cõi lạ trong thơ nhưng lại rất thực trong đời và nhà thơ là kẻ ẩn mặt đã đánh thức sự tiềm ẩn ấy trong mỗi chúng ta.

**+ *Từ chết sang trời biếc* (2001)**

Tiếp mạch thơ từ cảm giác xa thân, thơ Nguyễn Bình Phương đã tạo ra “những hình ảnh tưởng không ăn nhập vào nhau lại biết tìm nỗi vu vơ mà liên minh thi tứ, mà giao kết hồn người” [Trần Mạnh Hảo]. Tràn ngập thi giới là hình bóng cũ “của trái tim bé nhỏ” chứ không hẳn là trái tim, với những đoạn kí ức lắp ghép vươn đến những khoảng trời biếc mang những run rẩy, phập phồng với nỗi sợ vô hình âm ỉ khói, se sẽ động hờ sợ như trôi tụt mất. Tập thơ được cấu tứ trên không gian trang giấy nhưng không bằng phẳng mà mở ra muôn chiều của thi tứ. Cùng với đó là sự chuyển động rõ nét về sự già dặn trong câu chữ, chặt chẽ trong cấu tứ mà vẫn định hình với một bút pháp đã khẳng định cái tạng thơ “trừu tượng và siêu thực. Đẹp và bí ẩn. Sang trọng và huyền ảo”

**+ *Buổi câu hờ hững* (2011)**

Tập thơ đã khẳng định hành trình cách tân không ngừng của Nguyễn Bình Phương và mang lại giải thưởng danh giá cho nhà thơ từ sự đánh giá cao của Hội nhà văn Hà Nội năm 2013. Với tập thơ này, không gian thơ Nguyễn Bình Phương có sự chuyển đổi từ không khí bảng lảng của núi rừng bí ẩn sương mù sang đời sống đô thị hiện đại chật chội, ngột ngạt. Không còn những lam chướng rờn rợn, những cậm cam hiện về, những dòng nước ngược dòng máu chảy hay những bóng hoa hiện về trên cuống rưng rưng, trong thơ ông lúc này có những phố, những biển hiệu, hàng cây, đời sống công chức... Viết về đô thị, Nguyễn Bình Phương không giấu những bất an, cảm giác buồn: “Buồn cất tiếng màu bạch kim/ Trong những đêm thành phố mất điện/ Phố Hàng Buồm thiếu biển để ra khơi” (Buồn). Nhiều bài thơ còn là những suy tư cho cảnh đời, phận người: “Đến từ phía lắc lơ/ Họ gánh đỏ gánh xanh gánh cả vạn hạt mưa/ Lay phay đang dạt bay qua phố/ Họ gánh âu lo nhòe hơi nước/ Bám u ơ trên rực chói đụn vàng” (Hàng mã rong).

Mỗi con người trong công cuộc hiện sinh của chính mình như đang chạy đua, rượt đuổi riết ráo những danh vọng hão huyền, cái chức danh nhàn nhạt. Con người lướt qua nhau bằng “gương mặt lơ vơ” mang theo nỗi cô đơn, trống trải. Và nhà thơ cảm thấy chống chếnh, bất an trong hành trình tìm mặt trong muôn vạn mặt người. “*Buổi câu hờ hững* vì thế dường như “lạc loài” vì vẻ hiện thực, tính chất sáng rõ của không gian, thiếu màu sương mù xanh xao và khí núi lạnh lẽo. Bị chi phối bởi nỗ lực tìm tới thượng nguồn của tâm hồn, cái động năng xao xuyến trong mỗi con người, cuộc du hành của thơ ca thường tìm lại không gian sống tuổi thơ như một nguồn sinh khí, một nỗi hoài nhớ, cưỡng lại sức hấp dẫn, sự quên lãng của đô thị” (Nhã Thuyên). 

**+ *Xa xăm gõ cửa* (2015).**

Xa xăm gõ cửa được phát hành khi Nguyễn Bình Phương ở tuổi 50, sức sáng tạo vẫn đang dồi dào. Bởi thế tuyển thơ chưa phải những gì tinh túy nhất, nhưng nó cho phép độc giả hình dung bao quát một chặng đường thơ Nguyễn Bình Phương. Trên hành trình vào “cõi lạ” ấy, nhà thơ đã không ít lần cô đơn trước trang giấy và cô độc trước những đánh giá từ dư luận. Vinh danh cũng có mà ca thán cũng nhiều khi có không ít ý kiến cho rằng thơ ông tù mù, rối rắm, ngôn ngữ thơ lủng củng, phi lôgic…Sự dẫn nối của nhiều yếu tố tiền văn bản trong thơ Nguyễn Bình Phương đã cho phép nhà thơ xuyên qua trường liên tưởng và mở văn bản thơ đến vô cùng: “Mọi ý nghĩa nằm dưới lớp vỏ con chữ. Không phái một tầng, hai tầng, mà nhiều tầng, nhiều vỉa” (đi tìm năng lượng chữ trong Xa xăm gõ cửa”). Bằng cách đọc liên văn bản, mỗi người đọc sẽ tìm thấy năng lượng dồi dào được nghiềm ngẫm từ “mỏ quặng” hiện thực đầy độc sáng của Nguyễn Bình Phương. Và sự giải mã “cõi lạ” ấy cho phép chúng ta được thấy nhiều hơn những gì hiển hiện trên câu chữ mà nhà thơ nén vào bên trong chờ sự bung tỏa từ sự đồng sáng tạo ở người đọc.